

Số: 619/GPMT - UBND

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở
Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của
Đoàn kiểm tra kèm theo Văn bản số 236/CV-TBN ngày 19 tháng 12 năm 2023
của Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh, địa chỉ tại Lô A, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô A, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 2300784990 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/08/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/08/2022.

1.4. Mã số thuế: 2300784990.



1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kinh doanh ô tô hãng xe Toyota và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Cơ sở được triển khai trên tổng diện tích 8.413,4 m² trên phần đất và công trình trên đất thuê của Công ty Cổ phần Anh Tuấn tại Lô A, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.6.2. Công suất của dự án:

- Kinh doanh ô tô hãng xe Toyota với quy mô 3.600 chiếc/năm.

- Sửa chữa, bảo dưỡng với quy mô 105.000 chiếc/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung cấp phép và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /v

Nơi nhận: *g*

- Công ty TNHH Toyota Bắc Ninh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (lưu hồ sơ);
- UBND thành phố Bắc Ninh;
- TTHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 619/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm được chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thành phố Bắc Ninh để tiếp tục xử lý không xả thải trực tiếp ra môi trường. Do vậy, Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ ở 2 bể tự hoại và nước thải từ các nguồn khác: Rửa chân tay, rửa sàn,... được thu gom vào đường ống PVC D200 với tổng chiều dài khoảng 137m chảy vào bể tách dầu của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 60 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe được thu gom theo máng thu kích thước rộng từ 60 cm – 80 cm, sâu từ 30 cm – 80 cm với tổng chiều dài khoảng 28 m được xây dựng ở sân của khu vực rửa xe trong nhà xưởng đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải sản xuất. Nước thải từ máng thu được tiếp tục chảy vào vào đường ống PVC D200 với tổng chiều dài khoảng 26 m chảy vào bể tách dầu của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 60 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được chảy qua đường ống PVC D200 với tổng chiều dài khoảng 7m chảy ra hệ thống thu gom, thoát nước thải của thành phố Bắc Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Số lượng: 01 hệ thống
- Công suất: 60 m³/ngày.đêm.
- Công nghệ xử lý: Hoá lý kết hợp sinh học
- Quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất → Bể tách dầu → Bể điều hoà → Bể

xử lý hoá lý (Keo tụ tạo bông) → Bể xử lý sinh học (Hiếu khí FBR) → Bể lọc → Nước thải sau xử lý.

- Thông số các bể xử lý:

+ Bể tách dầu: $6,8 \text{ m}^3$

+ Bể điều hoà: $8,8 \text{ m}^3$.

+ Bể xử lý hoá lý (Keo tụ tạo bông): $4,9 \text{ m}^3$.

+ Bể xử lý sinh học (Hiếu khí FBR): $33,44 \text{ m}^3$.

+ Bể lọc than hoạt tính: $5,83 \text{ m}^3$.

+ Bể chứa bùn: $7,83 \text{ m}^3$.

- Hóa chất sử dụng:

+ Dung dịch PAA (Polyme): 3 kg/tháng.

+ Dung dịch PAC: 102 kg/tháng.

+ Dung dịch Javen: 2,4 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

- Công ty cam kết thực hiện ghi chép nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường, theo dõi điện năng tiêu thụ của hệ thống xử lý nước thải.

- Quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ của hệ thống để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục hệ thống xử lý nước thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Lắp đặt các van khoá tại điểm đầu nối để đóng cửa xả ra ngoài môi trường khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Tách riêng nguồn điện và lắp riêng đồng hồ để đo mức tiêu hao điện năng riêng cho từng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Thường xuyên nạo vét đường ống dẫn nước để tránh bị lắng cặn, ứ đọng gây tắc đường ống.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Công ty dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; Khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: tháng 02/2024 đến tháng 08/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý

nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, amoni, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, As, Hg, Cd, Pb, Coliform.
- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn xả thải của Công ty Cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh.
- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thành phố Bắc Ninh, không xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải của Công ty.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 619/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh ở buồng sơn số 18.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh ở buồng sơn số 19.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh ở buồng sơn số 20.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh ở buồng sơn số 9.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh ở buồng sơn số 10.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ quá trình đánh mài, bóng vỏ xe.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải:

+ Dòng khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải số 1 (Xử lý khí thải phát sinh tại nguồn số 01, 02, 03) trước khi thải ra ngoài môi trường toạ độ: X = 2341608; Y = 400955.

+ Dòng khí thải số 02 sau hệ thống xử lý khí thải số 2 (Xử lý khí thải phát sinh tại nguồn số 04, 05) trước khi thải ra ngoài môi trường, toạ độ: X = 2341600; Y = 400971;

Bụi phát sinh từ nguồn số 6 được hút vào ống hút theo đường ống dẫn tới bộ lọc của 02 máy hút bụi trung tâm và được giữ lại trong túi lọc chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí xả khí thải:

+ Vị trí 01: Tại ống thoát khí thải (OK1) của hệ thống xử lý khí thải số 1 trước khi thải ra ngoài môi trường. Tọa độ: X = 2341608; Y = 400955.

+ Vị trí 02: Tại ống thoát khí thải (OK2) của hệ thống xử lý khí thải số 2 trước khi thải ra ngoài môi trường. Tọa độ: X = 2341600; Y = 400971.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 27.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi được xử lý được xả ra môi trường qua các ống thoát khí, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải

bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải, cụ thể như sau:

- Bụi, khí thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_v = 0,6$; $K_P = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Dự án không thuộc đối tượng
2	SO ₂	mg/Nm ³	270		
3	CO	mg/Nm ³	540		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	459		
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	108		
6	Benzen	mg/Nm ³	5		
7	Toluen	mg/Nm ³	750		
8	Xylen	mg/Nm ³	870		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn ở các buồng sơn số 18, 19, 20 được thu gom qua sàn ở đáy của các buồng sơn về hệ thống xử lý khí thải số 1 để xử lý.
- Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn ở các buồng sơn số 9, 10 được thu gom qua sàn ở đáy của các buồng sơn về hệ thống xử lý khí thải số 2 để xử lý.
- Bụi phát sinh từ quá trình đánh bóng vỏ xe được thu gom và xử lý ở 02 máy hút bụi trung tâm (Máy hút bụi trung tâm thứ 1 và Máy hút bụi trung tâm thứ 2).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình xử lý:

- + Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn → Tấm lọc sợi thủy tinh → Tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống dẫn khí và thoát khí → Môi trường.
- + Bụi phát sinh từ quá trình đánh bóng vỏ xe → Máy hút bụi trung tâm → Môi trường.

- Thông số kỹ thuật:

Hệ thống xử lý khí thải số 1 (Xử lý khí thải phát sinh ở buồng sơn số 18, 19, 20):

- + Tấm lọc sợi thủy tinh: 03 chiếc, dày 1 cm được đặt ở bên dưới đáy của các buồng sơn.
- + Tấm lọc than hoạt tính: 03 chiếc, dày 0,5 cm được đặt ở bên dưới các tấm

lọc bông thủy tinh.

+ Quạt hút: 03 chiếc, công suất và lưu lượng hút của mỗi quạt lần lượt là 10 Hp và $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Đường ống dẫn phụ:

++ Đường ống kích thước: 640 x 640 mm với tổng chiều dài 10 m dẫn khí thải của buồng sơn số 20.

++ Đường ống kích thước: 650 x 650 mm với tổng chiều dài 4,6 m dẫn khí thải của buồng sơn số 19.

++ Đường ống kích thước: 650 x 650 mm với tổng chiều dài 4,6 m dẫn khí thải của buồng sơn số 18.

+ Đường ống dẫn chính và thoát khí: Kích thước 3.085 x 650 mm với tổng chiều dài 5,5 m. Chiều dài từ mặt đất lên của ống thoát khí là 9,63 m.

Hệ thống xử lý khí thải số 2 (Xử lý khí thải phát sinh ở buồng sơn số 9, 10):

+ Tấm lọc sợi thủy tinh: 02 chiếc, dày 1 cm được đặt ở bên dưới đáy của các buồng sơn.

+ Tấm lọc than hoạt tính: 02 chiếc, dày 0,5 cm được đặt ở bên dưới các tấm lọc bông thủy tinh.

+ Quạt hút: 02 chiếc, công suất và lưu lượng hút của mỗi quạt lần lượt là 10 Hp và $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Đường ống dẫn phụ:

++ Đường ống kích thước: 665 x 665 mm với tổng chiều dài 9,5 m dẫn khí thải của buồng sơn số 10.

++ Đường ống kích thước: 750 x 750 mm với tổng chiều dài 9,7 m dẫn khí thải của buồng sơn số 9.

+ Đường ống dẫn chính và thoát khí: Kích thước 1635 x 750 mm với tổng chiều dài 4 m. Chiều dài từ mặt đất lên của ống thoát khí là 9,56 m.

- *Hóa chất, vật liệu sử dụng:*

+ Tấm lọc sợi thủy tinh khoảng: 180 kg/năm.

+ Tấm lọc than hoạt tính khoảng: 60 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo bụi đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định;

- Định kỳ bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý khí thải của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Công ty dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; Báo cáo cơ quan chức năng

trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; Khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 02/2024 đến tháng 08/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải từ các buồng sơn.

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1 trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 2 trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Giám sát các thông số bao gồm: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, benzen, toluen, xylen.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất vô cơ (Cột B, K_v = 0,6; K_p = 0,9).

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Thực hiện giám sát bụi, khí thải định kỳ theo nội dung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 619/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại công đoạn sơn.
- Nguồn số 02: Tại công đoạn mài, đánh bóng vỏ xe.
- Nguồn số 03: Tại công đoạn sửa chữa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại khu vực xưởng sửa chữa, bảo dưỡng ô tô.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu gây tiếng ồn cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn.
- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm tiếng ồn khi vận hành.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: Quần áo, khẩu trang, bông bịt tai...

- Không cho xe nổ máy, không bấm còi khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

STT	Tên nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Giới hạn cho phép (dB(A))	
		Ngày	Đêm
1	Thiết bị vận hành	70	55

STT	Tên nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Giới hạn cho phép (dB(A))	
		Ngày	Đêm
1	Thiết bị vận hành	70	55

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 619/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	15750
2	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	2600
3	Bộ lọc dầu thải	Rắn	15 01 02	80
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	50
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	40
6	Sơn thải khô, matit thải	Rắn	08 01 01	110
7	Dung môi pha rửa thải	Lỏng	08 01 05	350
8	Nước làm mát	Lỏng	19 10 01	130
9	Cặn lắng ở bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung	Rắn	12 06 06	300
10	Xăng dầu rửa thải	Lỏng	17 06 02	10
11	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01	4
12	Má phanh thải có chứa amiang	Rắn	15 01 06	2
13	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
14	Kim loại dính dầu	Rắn	11 04 01	5
15	Tấm lọc sợi thủy tinh và tấm lọc than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	240
Tổng				19.676

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Vỏ bao bọc nguyên liệu, thiết bị (carton, nilon, xốp bọc...)	Rắn	1560

2	Các loại thiết bị hư hỏng không dính thành phần nguy hại (Kính vỡ đỉnh, ốc, nắp capo, ốp chắn xe hỏng...)	Rắn	18.720
Tổng số			20.280

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 115 kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 2 tec chứa bằng inox với dung tích mỗi tec là 1.000 lít và 13 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích từ 80 lít đến 240 lít và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: diện tích 13,4 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa/kho lưu chứa trong nhà: Tường xây gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền hàn tấm thép, có rãnh thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng vào bể chứa trong trường hợp xảy ra sự cố tràn, đổ chất thải nguy hại dạng lỏng ra mặt sàn. Có cửa đóng mở khi ra vào và có biển cảnh báo CTNH theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Gồm các thùng rác dung tích từ 100 lít đến 120 lít và 02 xe chứa rác dung tích mỗi xe 400 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường diện tích 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Tường một phần được xây gạch và một phần bán khung thép, mái lợp tôn, nền đổ bê tông, có biển báo đầy đủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định./.



